| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 192/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí
Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 929/2019/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Hồng Q, sinh năm 1984.
Địa chỉ: 1252, tổ 21 (tổ mới là 35), ấp V, xã P (nay là khu phố V, phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1989.
Địa chỉ: 1252, tổ 21 (tổ mới là 35), ấp V, xã P (nay là khu phố V, phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Vũ Hồng Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà H chung sống với nhau từ năm 2008, có tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú

Thọ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 02/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn yêu thương tôn trọng nhau. Bà H đã đi khỏi nhà từ khoảng tháng 5 năm 2017 đến nay không liên lạc về gia đình, cũng không có tin tức gì. Đến nay cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài nên ông Q làm đơn xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Q và bà H có 01 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, ông Q xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q khai ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q khai ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.**

**Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Vũ Hồng Q được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, ông Q và bà H có 01 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, giao cho ông Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông Q khai, ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà Phạm Thị H về tài sản chung và nợ chung nên sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Ông Vũ Hồng Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Vũ Hồng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị H; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Q là nguyên đơn còn bà H là bị đơn trong vụ án.

- Theo bản sao y chứng thực sổ tạm trú và Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐDS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B thì nơi cư trú cuối cùng của bà Phạm Thị H là 1252, tổ 21 (tổ mới là 35), ấp V, xã P (nay là khu phố V, phường P), thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 13/8/2019, ông Vũ Hồng Q có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố B tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Phạm Thị H để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà H chung sống với nhau từ năm 2008, có tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 02/4/2008. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn yêu thương tôn trọng nhau. Bà H đã đi khỏi nhà từ khoảng tháng 5 năm 2017 đến nay không liên lạc về gia đình, cũng không có tin tức gì. Cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Ông Q xác định tình cảm không còn nên ông xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của ông Q là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ông Q trình bày ông bà chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Theo biên bản xác minh ngày 12/7/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P, thì ông Q và bà H chung sống thường xảu ra cãi vã, có lúc còn dẫn tới xô xát, bà H đã bỏ nhà đi từ tháng 5/2017 không có tin tức gì, từ đó tới nay chỉ có ông Q sống cùng con là cháu Vũ Hải D tại địa chỉ trên. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông Q và bà H là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Q được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Q và bà H có 01 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, ông Q xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay cháu D đang sống cùng ông Q, do ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, theo bản tự khai ngày 30/5/2019, cháu D cũng xin được ở với ông Q. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D của ông Q là có căn cứ chấp nhận. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Q không yêu cầu. Bà H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông Q khai, ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà Phạm Thị H về tài sản chung và nợ chung nên sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vũ Hồng Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng Q, ông Vũ Hồng Q được ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Q và bà H có 01 con chung là cháu Vũ Hải D, sinh ngày 21/9/2009. Khi ly hôn, giao cho ông Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của

con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông Q khai, ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bà Phạm Thị H về tài sản chung và nợ chung nên sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Vũ Hồng Q phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004840 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Vũ Hồng Q và bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã X,
huyện L, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**